

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 29-9-2017

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KIẾN TƯỜNG, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lâm Thị Kim Xuyên.

Ông Phan Văn Truỵện.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Công – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 64/2017/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 7 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 18/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lương Thị Kim N, sinh năm: 1983;

Địa chỉ: Đường L, khu phố 5, Phường 1, thị xã K, tỉnh Long An (Nhà trọ ông D).

- Bị đơn: Ông Võ Đức H, sinh năm: 1982;

Địa chỉ: ấp Bắc C 1, xã T, thị xã K, tỉnh Long An.

(Bà N có mặt, ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 6 năm 2017 của bà N và những lời trình bày tại phiên tòa như sau:

Bà và ông H sống chung với nhau từ ngày 28/7 2002, không tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 7, Q 6, thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 28/7/2016. Cuộc sống chung hạnh phúc, nhưng khoảng tháng 5, tháng 6 năm 2017 thì vợ chồng bà bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông H thường xuyên uống rượu về chửi bà, ông H không phụ bà vấn đề kinh tế để nuôi con. Đến tháng 5/2017 thì hai bên quyết định sống ly thân cho đến nay.

Trong thời gian ly thân đến nay, hai bên không có thiện chí để hàn gắn lại. Bà N xác định không còn tình cảm với ông H. Vì vậy, bà yêu cầu ly hôn với ông H.

Trong quá trình sống chung, bà và ông H có 02 con chung là cháu K, sinh ngày 09/3/2003 và cháu P, sinh ngày 12/4/2009. Bà yêu cầu được nuôi 02 con chung là cháu K và cháu P, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết. Cam kết không có nợ chung.

- Bị đơn ông Võ Đức H vắng mặt nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà N và ông H tự nguyện tìm hiểu tình cảm, từ đó hai người chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 7, Q6, thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 61, ngày 28/7/2016. Nền quan hệ hôn nhân giữa bà N với ông H là hôn nhân hợp pháp. Nay bà N có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, ông H là bị đơn cư trú tại ấp B, xã T, thị xã K, tỉnh Long An. Vì vậy, Tòa án nhân dân thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 205, 207, 209 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 54 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nhưng ông H vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

[3] Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng đúng theo quy định pháp luật nhưng ông H vắng mặt. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử vắng mặt ông H là đúng theo quy định khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Tại phiên tòa, bà N yêu cầu được ly hôn với ông H. Vì cho rằng không còn tình cảm với ông H, không xây dựng được gia đình hạnh phúc. Bà N cương quyết yêu cầu ly hôn. Trong thời gian ly thân ông H cũng không có thiện chí để đoàn tụ. Tòa án đã tổng đạt thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng ông H vẫn vắng mặt, điều đó thể hiện ông H không quan tâm đến cuộc hôn nhân giữa hai người, không mong muốn đoàn tụ để xây dựng gia đình hạnh phúc. Do đó, xét thấy cuộc sống chung giữa bà N và ông H mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Có 02 con chung là cháu K, sinh ngày 29/3/2003, giới tính: nam và cháu P, sinh ngày 12/4/2009, giới tính: nam. Bà N yêu cầu được nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung. Cháu K và cháu P đều có nguyện vọng sống với mẹ sau khi cha và mẹ ly hôn. Vì vậy, cần giao 02 con chung cho bà N

chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp; Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con vì bà N không yêu cầu.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết tài sản chung và cam kết không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà N phải chịu án phí dân sự đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 147, 227, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lương Thị Kim N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị Kim N được ly hôn với ông Võ Đức H.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu K, sinh ngày 09/3/2003, giới tính: nam và cháu P, sinh ngày 12/4/2009, giới tính: nam cho bà N chăm sóc, nuôi dưỡng; Ông Võ Đức H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình: Buộc bà Lương Thị Kim N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006449 ngày 27/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kiến Tường, tỉnh Long An. (Bà Lương Thị Kim N đã nộp đủ tiền án phí).

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Võ Đức H vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án tổng đạt hay niêm yết bản án đúng theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND thị xã Kiến Tường;
- Chi cục THA-DS thị xã Kiến Tường;
- Các đương sự;
- UBND P1;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ' SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Bích Tuyền